

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Số: 138 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nhơn Trạch, ngày 07 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phê duyệt cấp, cấp lại, điều chỉnh phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 0304/CV ngày 03 tháng 04 năm 2023; Văn bản số 3005/BC/CHANGZHI ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng sản xuất và gia công các sản phẩm từ kim loại như dụng cụ cầm tay, linh kiện xe máy (không bao gồm công đoạn xi mạ); công suất 780 tấn sản phẩm/năm” theo Công văn số 531/TNMT ngày 18 tháng 4 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 225/TTr-TNMT ngày 06 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xưởng sản xuất và gia công các sản phẩm từ kim loại như dụng cụ cầm tay, linh kiện xe máy (không bao

gồm công đoạn xi mạ); công suất 780 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Xưởng sản xuất và gia công các sản phẩm từ kim loại như dụng cụ cầm tay, linh kiện xe máy (không bao gồm công đoạn xi mạ); công suất 780 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư, số: 3266026024 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 11 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3603896825.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại như dụng cụ cầm tay, linh kiện xe máy.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 4.640 m² (thuê nhà xưởng số 08 của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại như dụng cụ cầm tay, linh kiện xe máy, công suất 780 tấn/năm (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam:

1. Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 04 năm.

(từ ngày tháng năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2027).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh, PCVP. HĐND và UBND huyện;
- Phòng TN và MT huyện (02 bản chính);
- Phòng VH và TT huyện (công khai trên trang thông tin điện tử huyện);
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Công ty TNHH Changzhi Precision Việt Nam;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Các nguồn nước thải phát sinh của dự án bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất.
- Lưu lượng tối đa: 08 m³/ngày.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với khu nhà xưởng cho thuê:

2.1. Dòng nước thải số 01: tương ứng với nguồn số 01, nước thải phát sinh từ nguồn số 01 được dẫn về bể tự hoại khu vực văn phòng để xử lý sơ bộ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng sau đó đầu nối hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Vị trí đầu nối nước thải: tại hố đầu nối nước thải của khu vực văn phòng (giáp mốc M2, xưởng 8 của dự án).

- Tọa độ vị trí: X= 1188645.4; Y= 410331. (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3⁰)

2.2. Dòng nước thải số 02: tương ứng với nguồn số 02, nước thải phát sinh từ nguồn số 02 được dẫn về bể tự hoại khu vực nhà xưởng để xử lý sơ bộ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng sau đó đầu nối hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Vị trí đầu nối nước thải: tại hố đầu nối nước thải của khu nhà xưởng sản xuất (giáp mốc M3, xưởng 8 của dự án).

- Tọa độ vị trí: X: 1188558; Y: 410354. (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 8 m³/ngày.

- Phương thức đầu nối nước thải: tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa

chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 03/CT-QLDN ngày 02 tháng 01 năm 2023 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng và khu vực xưởng sản xuất, phát sinh khoảng $8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được đưa về các bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích $15,3 \text{ m}^3$ để xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Bể tự hoại $\rightarrow$ Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Việt Hoàng $\rightarrow$ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I để xử lý.

- Công suất thiết kế: 02 bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích $15,3 \text{ m}^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, đầu nối nước thải, ngừng hoạt động đối với các công đoạn phát sinh nước thải hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất tại nhà máy để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, không xả thải trực tiếp ra môi trường; phối hợp chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công

nghiệp Nhơn Trạch I trong việc kê khai, giám sát khối lượng nước thải đầu nối; bảo đảm tổng khối lượng nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2 Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.3 Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị ... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải.

3.4 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.5 Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thu thoát nước mưa và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có hoạt động xả nước thải ra môi trường.



PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Các nguồn khí thải phát sinh của dự án bao gồm:

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất phát sinh từ 02 máy hút chân không lò trước.
- Nguồn số 02: Hơi hóa chất phát sinh từ 02 lò làm nguội kiểu BTF.
- Nguồn số 03: Hơi hóa chất phát sinh từ 02 lò ủ/nhiệt luyện dạng giềng.
- Nguồn số 04: Hơi hóa chất phát sinh từ 02 lò làm nguội dạng giềng.
- Nguồn số 05: Hơi hóa chất phát sinh từ 02 lò làm lạnh.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1 Dòng khí thải số 1: tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 (máy hút chân không lò trước, lò làm nguội kiểu BTF, lò ủ/nhiệt luyện dạng giềng, lò làm nguội dạng giềng, lò làm lạnh) sau đó qua hệ thống xử lý hơi hóa chất số 01.

- Vị trí xả khí thải: Tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất có tọa độ vị trí xả thải X: 1188584.6; Y: 410348.7 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Hơi hóa chất sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí với đường kính 500mm, cao 15m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.2 Dòng khí thải số 2: tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 (máy hút chân không lò trước, lò làm nguội kiểu BTF, lò ủ/nhiệt luyện dạng giềng, lò làm nguội dạng giềng, lò làm lạnh) sau đó qua hệ thống xử lý hơi hóa chất số 02.

- Vị trí xả khí thải: Tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất có tọa độ vị trí xả thải X: 1188542; Y: 0410307 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Hơi hóa chất sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí với đường kính 500mm, cao 15m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B



với $K_v=0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải); và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	1 năm/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	Metanol	mg/Nm ³	260		
3	n – Propanol	mg/Nm ³	980		
4	Các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 20:2009/BTNMT xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT.				

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải là hơi hóa chất phát sinh và được thu gom bằng đường ống kích thước $\Phi 500$ (vật liệu thép không rỉ) để thu gom toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ máy hút chân không lò trước, lò làm nguội kiểu BTF, lò ủ/nhiệt luyện dạng giềng, lò làm nguội dạng giềng, lò làm lạnh về hệ thống xử lý hơi hóa chất số 01.

Nguồn số 02: được thu gom bằng đường ống kích thước $\Phi 500$ (vật liệu thép không rỉ) để thu gom toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ máy hút chân không lò trước, lò làm nguội kiểu BTF, lò ủ/nhiệt luyện dạng giềng, lò làm nguội dạng giềng, lò làm lạnh về hệ thống xử lý hơi hóa chất số 02.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải (hơi hóa chất) → đường ống hút → hấp phụ than hoạt tính → ống thải

- Công suất thiết kế: $10.000 m^3/giờ$

- Hóa chất, vật liệu xử dụng: than hoạt tính

1.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải (hơi hóa chất) → đường ống hút → hấp phụ than hoạt tính → ống thải

- Công suất thiết kế: $10.000 m^3/giờ$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải, vệ sinh đường ống hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, Công ty cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với đơn vị có chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành 24/24 giờ, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 01, 02 được vận hành thử nghiệm trong vòng 03 tháng, dự kiến bắt đầu từ tháng 06/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 01 (hệ thống xử lý hơi hóa chất số 01), công suất 10.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 01 (hệ thống xử lý hơi hóa chất số 02), công suất 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo 02 vị trí đã được cấp phép tại Phần A, Phụ lục này

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Hệ thống xử lý hơi hóa chất số 01 và 02:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Metanol	mg/Nm ³	260
3	n – Propanol	mg/Nm ³	980

Ghi chú:

Giá trị giới hạn cho phép: theo QCVN20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (hơi hóa chất) phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom xử lý khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo Mục A Phụ lục này.



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Metanol	mg/m ³	360
3	n - Propanol	mg/m ³	980

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất các máy (tiện, cắt gọt, mài) CNC.

+ Nguồn số 02: Phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất các công đoạn xử lý nhiệt (tôi luyện, ủ nhiệt, làm lạnh, ..).

+ Nguồn số 03: Phát sinh tại khu vực hệ thống xử lý khí thải số 01.

+ Nguồn số 04: Phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý khí thải số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Tọa độ đại diện nguồn số 01: X = 1188602; Y = 0410324.

+ Tọa độ đại diện nguồn số 02: X = 1188565; Y = 0410334.

+ Tọa độ đại diện nguồn số 03: X = 1188558; Y = 0410354.

+ Tọa độ đại diện nguồn số 04: X = 1188541; Y = 0410305.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất thường xuyên được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị. Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh dự kiến : 16.410 kg/năm.

Stt	Tên chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Mã CTNH	Số lượng	Ký hiệu phân loại
1	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Kg	07 01 06	50	KS
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Kg	07 03 05	1.200	NH
3	Bùn thải mài có dầu	Kg	07 03 09	11.000	NH
4	Vật liệu mài dạng hạt	Kg	07 03 08	1.000	KS
5	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	Kg	07 03 11	1.000	NH
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Kg	12 01 04	100	NH
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	60	KS
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	500	KS
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Kg	18 01 02	500	KS
10	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Kg	18 01 03	500	KS
11	Găng tay, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	500	KS
Tổng khối lượng dự kiến		Kg	-	16.410	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 21.300 kg/năm.

Stt	Tên chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Mã CTRTT	Số lượng	Ký hiệu phân loại
01	Gỗ phế (palett gỗ hư)	Kg	12 08 08	200	TT-R
02	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Kg	18 01 05	600	TT-R
03	Bao bì nhựa thải	Kg	18 01 06	500	TT-R
04	Kim loại và hỗn hợp kim loại, sản phẩm hư hỏng	Kg	-	20.000	TT-R
Tổng khối lượng dự kiến		Kg	-	21.300	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 15.600 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	15.600
Tổng khối lượng		15.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì mềm, thùng có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu chứa chất thải nguy hại được ngăn vách cách biệt trong nhà xưởng, trang bị thùng chứa (đối với chất thải dạng lỏng, dưới thùng chứa sẽ có khay để phòng ngừa sự cố), phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu chứa chất thải được ngăn vách cách biệt trong nhà xưởng, trang bị thùng chứa rác.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 60 lít, 220 lít.

2.3.2. Khu lưu chứa: Không bố trí khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, các thùng rác được bố trí tại các khu vực trong nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải dạng lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu giữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, gờ chống tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố sẵn sàng ứng phó. Các đối tượng làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn phòng cháy chữa cháy.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND

ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá

trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.